

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ LÁCH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Châu Thị Huyền L** - Sinh năm: 1994; địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

\* *Bị đơn:* Ông **Đoàn Hữu H** - Sinh năm: 1993; địa chỉ: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà L có mặt, ông H vắng mặt lần thứ hai không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Châu Thị Huyền L trình bày:*

Sau một thời gian quen biết, đến năm 2013 bà và ông Đoàn Hữu H tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 24/7/2014. Thời gian đầu, ông bà chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 02 năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H thường tạo ra mâu thuẫn và gây áp lực đối với bà. Vì vậy, từ tháng 02 năm 2017 bà và ông H đã sống ly thân, bà về nhà cha mẹ ruột ở ấp B, xã Đ, huyện B sống cho đến nay. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông H, cuộc sống hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đoàn Hữu H. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng giữa vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Đoàn Châu Gia B sinh ngày 10/02/2014, hiện đang sống chung với ông H. Khi ly hôn, bà đồng ý để cháu B tiếp tục sống chung với ông H, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về phía bị đơn ông Đoàn Hữu H:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Ông H cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về các vấn đề có liên quan đến yêu cầu ly hôn của bà L.

*Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách:*

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L. Về con chung, giao cho ông Đoàn Hữu H tiếp tục nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đoàn Hữu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Đoàn Hữu H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 24/7/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà L và ông H sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà L xác định là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông H thường gây áp lực cho bà. Tại biên bản xác minh ngày 09/6/2020, địa phương cũng xác nhận cuộc sống hôn nhân của ông bà lúc đầu hạnh phúc, nhưng từ năm 2017 thì vợ chồng bà L, ông H có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và thường hay cự cãi nhau. Bà L đã về nhà cha mẹ ruột tại huyện Bình Đại để sinh sống từ năm 2017 cho đến nay. Từ khi ly thân, ông bà không có quay về sống với nhau. Mặc dù, Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhiều lần nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt, thể hiện sự không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Hôn nhân của bà L và ông H đã rơi vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống, tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Bà L và ông H có 01 người con chung tên Đoàn Châu Gia B, sinh ngày 10/02/2014, hiện đang sống chung với ông H. Khi ly hôn, bà L đồng ý để cháu B tiếp tục sống chung với ông H, không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại biên bản xác minh ngày 09/6/2020, địa phương cũng xác định cháu B đang sống chung với ông H và được ông chăm sóc tốt, phát triển bình thường, ông H cũng đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, giao cháu B cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ không làm ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày và sự phát triển bình thường của cháu B. Yêu cầu của bà L là có căn cứ và

phù hợp với quy định nên được chấp nhận. Các đương sự không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà L xác định bà và ông H không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị Huyền L phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Châu Thị Huyền L đối với ông Đoàn Hữu H. Bà Châu Thị Huyền L không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

2. Về con chung: Ông Đoàn Hữu H được quyền trực tiếp nuôi cháu Đoàn Châu Gia B, sinh ngày 10/02/2014, hiện đang sống chung với ông H. Các đương sự không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để xem xét.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Vì lợi ích của con chung, các đương sự hoặc các nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, các đương sự có

quyền thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Châu Thị Huyền L khai bà và ông Đoàn Hữu H không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị Huyền L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011232 ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Thu Thanh**